

Bản án số: 693/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 25-04-2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thuý Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Phú,  
2. Bà Nguyễn Thị Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 2104/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Đường T, Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Đường T, Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Anh T tự nguyện kết hôn tại UBND phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014. Trong quá trình chung sống, ông Anh T

không lo làm ăn, sống phụ thuộc vào mẹ chồng. Bà có nhiều lần nói chuyện với ông T nhưng ông T vẫn không chí thú làm ăn lo cho gia đình. Bên cạnh đó, ông T còn tụ tập bạn bè ăn chơi. Đến nay, bà không thể chịu đựng được việc chồng chỉ biết dựa dẫm vào mẹ chồng và chỉ nghĩ đến bản thân, không lo cho con. Do đó, bà đề nghị ly hôn ông Nguyễn Anh T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Mẫn N, sinh 2014 và Nguyễn Minh H, sinh 2017. Bà đề nghị trực tiếp nuôi trẻ Minh H và giao trẻ Mẫn N cho ông Anh T trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không cấp dưỡng cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Anh T:*

Bị đơn ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/02/2024 và 04/3/2024 nhưng ông Nguyễn Anh T không đến làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Nguyễn Anh T.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Anh T, trú tại quận Bình Thạnh, được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Huyền T ly hôn ông Nguyễn Anh T; giao trẻ Nguyễn Minh H, sinh 2017 cho bà Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; và giao trẻ Nguyễn Ngọc Mẫn N, sinh 2014 cho ông Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; bà Huyền T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:**

Xét bà Nguyễn Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Anh T, thường trú: Đường T, Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với kết quả xác minh ngày 22/4/2024 của Công an Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**[2] Về thủ tục tố tụng:**

Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T có Đơn đề ngày 04/3/2024 đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T.

Xét bị đơn ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Anh T.

**[3] Về quan hệ hôn nhân:**

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 107 quyển số 02/2014 ngày 11 tháng 05 năm 2014 của UBND Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Nguyễn Anh T là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Huyền T đã được giải thích, hòa giải, động viên đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà Huyền T vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Anh T do có nhiều mâu thuẫn và không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Nguyễn Anh T không đến tham dự, nên có đủ cơ sở để nhận định ông Nguyễn Anh T đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến nghĩa vụ của người chồng trong quan hệ hôn nhân với bà Huyền T. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Huyền T và ông Nguyễn Anh T không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, khởi kiện của bà Huyền T yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Anh T có cơ sở để chấp nhận.

**[4] Về con chung:**

Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Huyền T, bà Huyền T và ông Anh T có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Mẫn N, sinh 2014 và Nguyễn Minh H, sinh 2017. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huyền T đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Minh H, giao trẻ Mẫn N cho ông Anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy tại Biên bản làm việc ngày 07/12/2023, trẻ Mẫn N cho biết hiện đang sống cùng bố mẹ, ông bà nội và dì tại địa chỉ đường T, Phường X, quận Bình Thạnh và thể hiện nguyện vọng được ở với ba. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con và căn cứ Điều 70, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị của bà Huyền T giao trẻ Mẫn N cho ông Nguyễn Anh T là phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên giao trẻ Mẫn N cho ông Nguyễn Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét bà Huyền T hiện đang chăm sóc trẻ Minh H và có đề nghị trực tiếp nuôi trẻ Minh H mà ông Anh T không có ý kiến phản đối, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Minh H cho bà Huyền T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo môi trường sống và tinh thần của trẻ được duy trì cho sự phát triển bình thường của trẻ.

Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và ông Anh T không có ý kiến, Hội đồng xét xử

**[5] Về tài sản chung:**

Bà Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, ông Nguyễn Anh T không đưa ra ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[6] Về án phí sơ thẩm:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn ông Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn ông Nguyễn Anh T có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Mẫn N, sinh 2014 và Nguyễn Minh H, sinh 2017.

Giao trẻ Nguyễn Minh H, sinh 2017 cho bà Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; và giao trẻ Nguyễn Ngọc Mẫn N, sinh 2014 cho ông Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0028835 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### 6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

*Nơi nhận:*

- TAND TP HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường Y, Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Vũ Thị Thúy Vân**